

Số: 428/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, giữa:
- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị B**, sinh năm 1981;
Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường A, tỉnh Tuyên Quang;
- Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1974;
Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường A, tỉnh Tuyên Quang;
- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điểm 1, mục I Danh mục lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lý Thị B và anh Trần Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01.2000 ngày 02/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Tuyên Quang)).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lý Thị B và anh Trần Văn C có 02 con chung là: Trần Văn D, sinh năm 1999 và Trần Chung K, sinh năm 2003. Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xét;

2.2 Về tài sản chung: Chị Lý Thị B và anh Trần Văn C tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về vay nợ chung: Chị Lý Thị B và anh Trần Văn C không vay nợ ai và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí: Chị Lý Thị B phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001280 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Tuyên Quang. Chị Lý Thị B được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường An Tường;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND khu vực 1 - Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Ánh